

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2024/HNGĐ- ST**

Ngày : 29-02-2024

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Quế**

2. Bà **Đỗ Thị Thương Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 272/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Bảo N**, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn 14, xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1989

NKTT: Thôn 2, xã Đức Đồng, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh

Nơi cư trú: 12/53 đường Trần Phú, tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(chị Trần Thị Bảo N có mặt; anh Lê Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Bảo N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/11/2020. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do anh T không chịu đi làm, thường xuyên uống rượu say xỉn sau đó về nhà chửi bới, đánh đập chị N nhiều lần. Chị N đã cho anh T cơ hội để sửa chữa nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không ai quan tâm ai. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Trần Thị Bảo N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 chung là Lê Trần Tiến T, sinh ngày 19/09/2021. Ly hôn chị Trần Thị Bảo N có nguyện vọng nhận nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bảo N trình bày chị và anh Lê Văn T không có tài sản chung nào nên chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Bảo N trình bày chị và anh Lê Văn T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Bảo N chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/11/2020. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh T thừa nhận là có vài lần đánh đập, chửi bới chị N là do không có công việc bị áp lực, có đi nhậu với bạn bè sau đó chị N có nói anh T thì anh T chửi và đánh chị N. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, quá trình sống ly thân thì hai người không có liên lạc gì với nhau. Anh T hiện nay vẫn còn tình cảm với vợ và muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc con đến khi trưởng thành nên đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng anh.

Về con chung: Anh Lê Văn T trình bày quá trình chung sống anh và chị Trần Thị Bảo N có một 01 chung là Lê Trần Tiến T, sinh ngày 19/09/2021. Ly hôn

anh Lê Văn T yêu cầu nhận nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn T trình bày anh và chị Trần Thị Bảo N có không có tài sản chung, anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lê Văn T trình bày anh và chị Trần Thị Bảo N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/12/2023 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Bảo N với anh Lê Văn T được ly hôn. Về con chung cần giao 01 con chung là Lê Trần Tiến T, sinh ngày 19/09/2021 chị Trần Thị Bảo N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Lê Văn T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Chị Trần Thị Bảo N yêu cầu giải quyết về ly hôn, giải quyết về con chung với anh Lê Văn T, có địa chỉ tại 12/53 đường Trần Phú, tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

III. Về nội dung vụ án:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

vào ngày 24/11/2020. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là do anh T không chịu đi làm, thường xuyên uống say xỉn sau đó về nhà chửi bới, đánh đập chị N nhiều lần. Chị N đã cho anh T cơ hội để sửa chữa nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không ai quan tâm ai. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Trần Thị Bảo N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn T. Còn anh T cho rằng quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh T thừa nhận là có vài lần đánh đập, chửi bới chị N là do không có công việc bị áp lực, có đi nhậu với bạn bè sau đó chị N có nói anh T thì anh T chửi và đánh chị N. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, quá trình sống ly thân thì hai người không có liên lạc gì với nhau. Anh T hiện nay vẫn còn tình cảm với vợ và muốn hai vợ chồng cùng nhau chăm sóc con đến khi trưởng thành nên đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Mặc dù anh T muốn hòa giải đoàn tụ nhưng không hề có tác động hay hành động thể hiện việc muốn đoàn tụ cùng vợ. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm được, chị N cương quyết yêu cầu được giải quyết ly hôn nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị Bảo N và anh Lê Văn T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của chị Trần Thị Bảo N và anh Lê Văn T, căn cứ vào giấy khai sinh chị Trần Thị Bảo N nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Trần Thị Bảo N và anh Lê Văn T có 01 người con chung là Lê Trần Tiến T, sinh ngày 19/09/2021.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Trần Tiến T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Còn anh T cũng yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Trần Tiến T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con

Cả chị N và anh T đều có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên chị N hiện nay trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung từ khi hai người ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thành thì cháu phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó chị N còn chứng minh được chị có thu nhập ổn định, có nhà ở, có mẹ cùng phụ chăm sóc cháu Thành nên chị N có đủ điều kiện để nuôi con chung. Trong thời gian không ở

cùng con nhưng anh T cũng không thường xuyên qua lại chăm sóc con cái, quá trình giải quyết vụ án anh T có tài liệu chứng minh thu nhập. Tuy nhiên hiện nay anh T đang ở cùng nhà với anh chị tại 12/53 đường Trần Phú, tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, còn nhà ở của anh T thì ở Thôn 2, xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nên không đảm bảo cho việc chăm sóc, học tập của con chung sau này.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Trần Thị Bảo N là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con và không làm xáo trộn cuộc sống của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Lê Trần Tiến T, sinh ngày 19/09/2021 cho chị Trần Thị Bảo N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{3} *Về tài sản chung*: chị Trần Thị Bảo N và anh Lê Văn T trình bày quá trình chung sống hai người không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Chị Trần Thị Bảo N và anh Lê Văn T trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Trần Thị Bảo N phải chi 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bảo N đối với anh Lê Văn T về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Bảo N và anh Lê Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Trần Tiến T, sinh ngày 19/09/2021 cho chị Trần Thị Bảo N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Bảo N không yêu cầu anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Bảo N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0006691 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị Bảo N đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Hòa Ninh, huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi

